

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 05 - 11 - 2021

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hải

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trương Thị Ngọc Linh
2. Ông Trịnh Văn Đoàn

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Long— Thư ký Tòa án nhân dân huyện H

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 71/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 24/9/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Mạc Thị Q, sinh năm 1979. Vắng mặt

- Bị đơn: Anh Phan Văn T, sinh năm 1977. Vắng mặt

Cùng địa chỉ: Tổ 3, ấp 3, xã Đ, huyện H, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án nguyên đơn Mạc Thị Q trình bày:

Chị Mạc Thị Q và anh Phan Văn T tự nguyện kết hôn năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T thường xuyên ăn nhậu, không lo làm ăn, đánh chị Q gây thương tích. Chị Q và anh T không còn chung sống từ năm 2016 cho đến nay. Chị Q thấy không muốn kéo dài cuộc sống hôn nhân như hiện nay nên đề nghị được ly hôn với anh Phan Văn T.

Vợ chồng có 01 con chung là Phan Thị Thanh T1, sinh ngày 11/3/2000 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phan Văn T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không thu thập được ý kiến của anh T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tại phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi, nhận đơn, thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Mạc Thị Qly hôn với anh Phan Văn T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Mạc Thị Q khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết con chung với anh Phan Văn T có nơi cư trú tại xã Đ, huyện H, nên đây là vụ án “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Chị Mạc Thị Q có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh Phan Văn T được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Q, anh T.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Q và anh T tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện B (nay là H), tỉnh Bình Phước theo giấy chứng nhận kết hôn số 075 ngày 19/01/2000 nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Chị Q xác định vợ chồng có mâu thuẫn, không thể hàn gắn và đã không còn chung sống cùng nhau từ năm 2016 đến nay. Lời khai của chị Q phù hợp với biên bản xác minh ngày 20/4/2021. Xét thấy, chị Q và anh T đã không còn chung sống một thời gian dài, không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho chị Mạc Thị Q được ly hôn với anh Phan Văn T.

[3] Về con chung: Con chung đã trưởng thành, đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Q trình bày không có nên không xem xét.

[5] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bà Q phải chịu chi phí Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 4.000.000đ .

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 207, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

2. Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Mạc Thị Q với anh Phan Văn T.

Về con chung: Đã trưởng thành, đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự khai không có nên không xem xét.

4. Về án phí và chi phí tố tụng:

Án phí: Chị Mạc Thị Q chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 023572 ngày 05/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

Chi phí tố tụng: chị Mạc Thị Q phải chịu 4.000.000đ chi phí Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng được khấu trừ vào số tiền chị Q đã nộp.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Nơi đăng ký kết hôn.
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Nguyễn Thị Minh Hải